

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P,  
TỈNH AN GIANG

Mẫu số 52-DS  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 257/2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 5 – 2025

“V/v ly hôn giữa

bà P và ông C1”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Thái Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh An Giang** tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị Hoa P (tên thường gọi là C), sinh năm 1991, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi thường trú: Số B, tổ C, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện tại: Số E, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

**2. Bị đơn:** ông Trần Duy C1, sinh năm 1978, (có đơn xin vắng mặt).

Nơi thường trú: Số B, tổ C, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa P trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân: năm 2009, thông qua mai mối bà và ông Trần Duy C1 tự nguyện kết hôn, năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh An Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28, Quyển số I, ngày 20/4/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng về chung sống với mẹ ruột của bà tại địa chỉ: Số E, ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi do ông C1 nhậu nhẹt, đánh đập bà, nhiều lần bà đã bỏ qua nhưng ông vẫn chứng nào tật ấy, đến tháng 04/2024 thì mâu thuẫn càng thêm trầm trọng, ông C1 thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ, chửi mắng và đánh đập bà, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Khoảng tháng 8/2024, ông C1 nhậu nhẹt tại nhà, vì ghen tuông vô cớ với bạn nhậu của ông nên ông C1 đuổi đánh bà, xé quần áo, bà có báo Công an xã L đến để can thiệp. Bà chính thức ly thân với ông C1 từ tháng 08/2024 đến nay, thời gian ly thân ông C1 có liên hệ với bà nhưng chỉ chửi mắng, ông có xin hàn gắn nhưng bà thấy ông C1 vẫn không thay đổi nên đã không đồng ý trở lại sống chung. Nay, bà nhận thấy không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn với ông C1.

+ Nuôi con chung: vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Thị Khánh B, sinh ngày 28/01/2010 và Trần Phước T, sinh ngày 27/4/2017, từ lúc ly thân đến nay cả 02 con do bà P nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng cho con.

+ Chia tài sản, nợ chung: không có.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, bà Nguyễn Thị Hoa P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Tại văn bản ngày 13/3/2025 ông Trần Duy C1 (là bị đơn) trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: thông qua mai mối, năm 2009 ông và bà Nguyễn Thị Hoa P tự nguyện kết hôn, năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh An Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28, Quyền I, ngày 20/4/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc, từ trước đến nay (từ lúc chưa cưới vợ) ông có uống rượu nhiều, ngày nào cũng uống nhưng không say xỉn, bê tha. Tháng 4 năm 2024 phát sinh mâu thuẫn do ông tự nhận thấy bà P không còn quan tâm nên ông cảm nhận bà P ngoại tình, ông uống nhiều rượu về nhà gây sự chửi bà P, vợ chồng cãi vã, ông không kiềm chế được rượt đánh P, nhưng bà P chạy nên không đánh được, sau đó vợ chồng sống bình thường. Đến tháng 8/2024 P nói đi đám cưới người bà con ở tỉnh Tây Ninh và không trở về, ông có gọi điện thoại không được, khoảng 10 ngày sau bà P gọi điện thoại di động cho ông và đề nghị ly hôn, ông không đồng ý, sau đó vài ngày ông gọi điện thoại cho bà P một lần để năn nỉ bà P trở về, nhưng bà P không nghe máy, ông gọi nhiều lần bà P mới gọi lại và trả lời không đồng ý trở lại sống chung. Từ tháng 8/2024 đến nay vợ chồng ly thân, ông về nhà của cha mẹ ruột của ông, còn bà P ở nhà mẹ ruột của P. Thời gian ly thân ông có nhờ cha ruột (Trần Vi S) cùng ông đến nhà mẹ vợ (Phạm Thị Hoàng H) để năn nỉ bà P trở về, mẹ vợ trả lời sẽ nói lại và do P quyết định, ông không gặp mặt bà P để hàn gắn do bà P đi làm ở tỉnh Tây Ninh không có mặt ở nhà. Nay, bà P yêu cầu ly hôn là do lỗi của ông, nhưng ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

- Nuôi con chung: có 02 người con chung tên Trần Thị Khánh B, sinh ngày 28/01/2010 và Trần Phước T, sinh ngày 27/4/2017, từ lúc ly thân đến nay cả 02

con do bà P đang nuôi dưỡng, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao 02 con cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, bà P không yêu cầu cấp dưỡng nên ông không cấp dưỡng, nhưng ông vẫn lo cho con.

Tại văn bản ngày 13/3/2025 cháu Trần Thị Khánh B và Trần Phước T đều có nguyện vọng sống với mẹ.

- Chia tài sản: vợ chồng có tài sản chung là vàng cưới, ông không nhớ bao nhiêu do bà P giữ, ông không yêu cầu chia.

Nợ chung: không có.

Ông Trần Duy C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà P, ông C1, tại Biên bản xác minh ngày 02/4/2025 ông Trần Vi S trình bày:*

Ông là cha ruột của Trần Duy C1, vợ của C1 là Nguyễn Thị Hoa P, ông không nhớ thời gian vợ chồng P – Chánh kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống tại nhà của ông, được một thời gian thì vợ chồng cùng lên nhà của mẹ ruột P ở. Vợ chồng chung sống có mâu thuẫn về tiền bạc, Chánh có sử dụng rượu bia nhiều, mỗi lần nhậu nhẹt thì C1 thường xuyên gây gỗ, đánh P, có lần Công an xã L phải mời Chánh lên làm việc, giáo dục, nhưng C1 vẫn chứng nào tật ấy, tiếp tục nhậu nhẹt, cự cãi với P nhiều lần. Từ Tết Nguyên đán năm 2025, Chánh trở về sống cùng với ông và cho biết vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 10 năm 2024 đến nay. Thời gian ly thân Chánh có hàn gắn tình cảm nhưng P không đồng ý, cương quyết ly hôn. Ông được biết hiện tại P cũng đã có người đàn ông khác nên vợ chồng không thể quay lại sống chung. Nay P yêu cầu ly hôn thì ông đề nghị Tòa án xem xét cho P và C1 ly hôn.

- *Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 04/4/2025 bà Phạm Thị Hoàng H trình bày:*

Bà là mẹ ruột của Nguyễn Thị Hoa P (tên thường gọi là C), chồng của P tên Trần Duy C1.

Năm 2009 thông qua mai mối, P và C1 đồng ý kết hôn, có đăng ký kết hôn nhưng không nhớ thời gian nào. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng, khoảng năm 2021 do bà đơn chiếc nên vợ chồng P về ở cùng nhà bà, C1 cũng đi tới lui với cha mẹ đẻ. Tháng 8/2024 vợ chồng mâu thuẫn là do C1 nhiều lần nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ và có một lần rượt đánh P từ trong nhà ra tới ngoài đường giao thông, đập phá tài sản của bà, nên bà yêu cầu C1 về nhà cha mẹ đẻ ở, Chánh về nhà cha mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Thời gian ly thân vài lần Chánh có đến muốn hàn gắn, nhưng chỉ nói chuyện cãi vã với P, còn P thì không đồng ý hàn gắn và muốn ly hôn. Từ tháng 11/2024 đến nay Chánh không đến hàn gắn nữa. Tháng 9/2024 P đi làm công nhân tại tỉnh Tây Ninh kiếm tiền nuôi hai con, còn C1 đi làm thuê (ai mướn gì làm đó), ngày nào cũng uống rượu, bia, không phụ tiếp tiền nuôi con. P không có quan hệ tình cảm với ai khác.

Bà nhận thấy P không còn tình cảm với C1, nay P yêu cầu ly hôn với C1 thì

bà không có ý kiến, tùy theo quyết định của Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoa P đối với ông Trần Duy C1 theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; nuôi con chung: giao 02 con chung tên Trần Thị Khánh B, sinh ngày 28/01/2010 và Trần Phước T, sinh ngày 27/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Hoa P tiếp tục nuôi dưỡng, bà P không yêu cầu cấp dưỡng nên ông C1 không phải cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản: bà P1 trình bày không có, ông C1 trình bày không yêu cầu chia nên không xem xét; nợ chung không có, nên không đề cập; về án phí, bà P phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị Hoa P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Duy C1, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P và ông C1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P và ông C1.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của bà P và ông C1 hợp pháp, vì có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà P yêu cầu ly hôn, ông C1 không đồng ý ly hôn, ông cho rằng còn thương vợ con và việc bà P yêu cầu ly hôn là do lỗi của ông, thời gian ly thân ông có đến nhà mẹ vợ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không gặp được bà P do đi làm xa. Quá trình giải quyết vụ án, ông C1 xin thời hạn hàn gắn tình cảm nhưng hết thời hạn hàn gắn, ông không thông báo cho Tòa án biết kết quả hàn gắn, coi như ông C1 đã không gặp bà P để hàn gắn. Xét tình trạng hôn nhân của ông bà thấy rằng, hai bên có mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân, bà P cương quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn trở lại sống chung với ông C1 do lỗi của ông C1 có hành vi bạo lực gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà P yêu cầu ly hôn ông C1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho ly hôn giữa bà P và ông C1.

[2.2] Nuôi con chung: bà P yêu cầu nuôi cả hai con Trần Thị Khánh B, Trần Phước T, ông C1 đồng ý giao 02 con cho bà P nuôi. Từ lúc ly thân đến nay bà P nuôi con ổn định, các cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Thị Khánh B, sinh ngày 28/01/2010 và Trần Phước T, sinh ngày 27/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Hoa P tiếp tục nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp*

*đường cho con*”, nhưng bà P không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng cho con là tự nguyện của bà, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ông **C1** không trực tiếp nuôi con, ông có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Chia tài sản: bà P trình bày không có, ông C1 trình bày vợ chồng có tài sản chung là vàng cưới nhưng không yêu cầu chia, nên không xem xét. Nếu sau khi ly hôn đương sự có yêu cầu chia tài sản thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.5] Nợ chung: hai bên đương sự khai không có.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm, bà P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hoa P (tự C) và ông Trần Duy C1.

2. Nuôi con chung: giao 02 người con chung tên Trần Thị Khánh B, sinh ngày 28/01/2010 và Trần Phước T, sinh ngày 27/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Hoa P (tự C) tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại bà P đang nuôi dưỡng cháu B và cháu T. Ông C1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Duy C1 không trực tiếp nuôi con, ông có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Chia tài sản: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Hoa P phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số

000011815 ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã L, H.P,
- tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Kim Phương**